

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ - ST.

Ngày 05/6/2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Duy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Huệ và ông Đặng Văn Đức.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST – HNGĐ ngày 15/5/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1987.**

Nơi ĐKNKTT: thôn V, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: thôn V 1, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**2. Bị đơn: Anh Dương Quang A, sinh năm 1989.**

Địa chỉ: thôn V 2, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Quang A không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H có quan điểm:

Chị và anh Dương Quang A tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2009 tại UBND xã L, huyện T (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam sau thời gian hai bên tìm hiểu nhau được khoảng 03 tháng. Việc kết hôn được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị chung sống tại thôn V 2, xã L. Trong quá trình chung sống đến năm 2019 vợ chồng chị luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Mặt khác bản thân anh Quang A không chăm lo cho gia đình và ngang nhiên quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, hay bỏ đi khỏi nhà một

thời gian dẫn đến vợ chồng chị hay xảy ra cãi nhau. Do vậy, đến tháng 1 năm 2020, chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị sinh sống và vợ chồng chị đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay, chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không thể hàn gắn được và quan trọng tình cảm chị dành cho anh Quang A không còn nữa để duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau được nên chị xin được ly hôn với anh Quang A.

\* Tại biên bản tự khai của anh Quang A có quan điểm: Anh cũng xác định về thời gian, địa điểm, trình tự, thủ tục, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng chung sống, sống ly thân như chị H trình bày. Anh cũng công nhận anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và chị H cũng có quan hệ ngoại tình nhưng anh không có chứng cứ mà thôi. Bản thân anh cũng xác định mâu thuẫn giữa anh và chị H không thể khắc phục được nhưng vì anh thương các con anh còn nhỏ. Do vậy, chị H xin ly hôn anh không đồng ý và anh mong Tòa án xem xét cho vợ chồng anh được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Chị H và anh Quang A thống nhất có 02 con trai chung là cháu Dương Quang H1, sinh ngày 04/10/2009 do anh Quang A đang nuôi dưỡng và cháu Dương Quang H2, sinh ngày 24/4/2012 do chị H đang nuôi dưỡng.

\* Quan điểm của chị H: Do chị và anh Quang A có 02 con chung nên khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Dương Quang H2, còn cháu Dương Quang H1 giao cho anh Quang A nuôi dưỡng và cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

\* Quan điểm của anh Quang A: Khi chị H và anh phải ly hôn thì anh xin được nuôi cả 02 chung Dương Quang H1 và Dương Quang H2. Nếu được nuôi cả 02 con chung anh không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có. Hiện chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Nguyên vọng của cháu Dương Quang H1: Hiện nay cháu đang học lớp 5 trường Tiểu học L và cháu đang ở với bố cháu, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với bố cháu.

\* Nguyên vọng của cháu Dương Quang H2: Hiện nay cháu đang học lớp 2 trường Tiểu học L và cháu đang ở với mẹ cháu, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ cháu.

\* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân xã L: Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2020, chính quyền địa phương có quan điểm: Đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn thực tế vợ chồng chị H và anh Quang A hiện nay khả năng đoàn tụ là rất khó để giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án căn cứ điều kiện nuôi dưỡng của hai bên anh chị để xem xét việc nuôi hai cháu Dương Quang H1, Dương Quang H2 theo quy định của pháp luật.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

\* Chị H có quan điểm: Về hôn nhân chị vẫn xin ly hôn với anh Quang A. Về con chung: Chị xin được nuôi cháu Dương Quang H2, còn cháu Dương Quang H1

chị đề giao cho anh Quang A nuôi dưỡng và cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề khác chị không đề nghị giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể anh Quang A đã vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 15/5/2020 và phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 68, 143, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, 54, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị H và anh Dương Quang A.

- Về con chung: Giao anh Quang A nuôi dưỡng cháu Dương Quang H1 và chị H nuôi dưỡng cháu Dương Quang H2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị H có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn anh Dương Quang A có nơi cư trú tại thôn V 2, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị H và anh Dương Quang A có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2009 tại UBND xã L, huyện Thanh Liêm (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H, HĐXX thấy rằng: Sau kết hôn vợ chồng chị H, anh Quang A cũng có những năm đầu chung sống hoà thuận nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, cách sống, không cùng chăm lo cho gia đình được hai bên công khai thừa nhận. Nguyên vọng của anh Quang A lại xin đoàn tụ vợ chồng để cho các con anh có đủ bố mẹ nhưng anh không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn lại mối quan hệ của vợ chồng vì quá trình vợ chồng sống ly thân, hai bên không hề quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích, khuyên chị H về đoàn tụ với anh Quang A để cùng nuôi dạy con chung nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Quang A. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 15/5/2020 và ngày hôm nay anh Quang A đều vắng mặt nên chứng tỏ anh Quang A không có thiện chí cải thiện tình cảm vợ chồng. Do đó, vợ chồng anh chị không đồng cảm cùng cách nghĩ, không còn tiếng nói chung nữa. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị H và anh Quang A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con trai chung là cháu Dương Quang H1, sinh ngày 04/10/2009 do anh Quang A đang nuôi dưỡng và cháu Dương Quang H2, sinh ngày 24/4/2012. Xét nguyện vọng của chị H, anh Quang A về việc xin nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu Dương Quang H1, Dương Quang H2. HĐXX thấy: nguyện vọng muốn nuôi con chung của anh chị đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ với con cái. Tuy nhiên, căn cứ vào thực tế, điều kiện nuôi dưỡng của hai bên thấy cả chị H và anh Quang A đều trong độ tuổi lao động, có việc làm, thu nhập ổn định và theo quy định của pháp luật thì cha mẹ đều có quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, cần giao cho anh Quang A nuôi cháu Dương Quang H1, giao chị H nuôi cháu Dương Quang H2 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81,82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh Quang A không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 54; 56; 57; 81;82;83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Lê Thị H và anh Dương Quang A.

[2] Về con chung: Giao anh Dương Quang A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Dương Quang H1, sinh ngày 04/10/2009 (con trai). Giao chị Lê Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Quang H2, sinh ngày 24/4/2012 (con trai). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải nộp là 300.000đ, chị H được đối trừ với 300.000đ, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004442 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Quang A vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Duy**